TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/DS-PT
Ngày 21 – 02 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thúy Nguyên -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 302/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1966 (có mặt);
2. Bà Lê Kim B1, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng (tên gọi khác Te), sinh năm 1963 (có mặt);
2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1957 (có mặt);
2. Ông Dương Phước H1, sinh năm 1956 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B1, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

3. Anh Nguyễn Thanh B2, sinh năm 1984 (có mặt);
4. Chị Phạm Thị N (vắng mặt);
5. Anh Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1985 (vắng mặt);
6. Chị Trần Thị L (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ..

7. Chị Nguyễn Huyền G, sinh năm 1991 (vắng mặt);
8. Anh Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 1992 (có mặt);
9. Anh Nguyễn Nhứt K2, sinh năm 1998 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh C ..
10. Ủy ban nhân dân huyện Thới B3 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..
- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Vào năm 1978, cha mẹ của ông là ông Nguyễn Văn Di (chết năm 2001) và bà Trần Thị Lành (chết năm 2002) có chia phần đất vườn có diện tích khoảng 5.700m^2, tọa lạc tại khóm 2, thi trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cho hai người con là ông Nguyễn Thanh Hùng và bà Nguyễn Ngọc V. Ông Hùng được chia phần đất có diện tích khoảng 2.870m^2, bà V được chia phần đất có diện tích khoảng 2.830m^2. Bà V đã nhận đất, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cất nhà ở.

Đến năm 2000, bà V có đổi phần đất được chia nêu trên với vợ chồng ông, cụ thể: Vợ chồng ông quản lý, sử dụng phần đất của bà V được cho tại khóm 2, thị trấn Thới Bình còn vợ chồng bà V quản lý, sử dụng phần đất của ông được cho tại khóm 7, thị trấn Thới Bình (là phần đất cha của ông cho ông vào năm 1987, có diện tích 1.800m^2). Vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đổi với bà V vào ngày 24/9/2001. Ông cất nhà ở trên đất và trực tiếp canh tác đến năm 2004 thì chuyển về ấp Lê Hoàng Thá, xã Tân Bằng sinh sống. Khi đi, ông có nhờ ông Hùng, bà T2 quản lý đất. Sau đó, ông Hùng, bà T2 hỏi ông cho mượn phần trên để trồng trọt nên ông có đồng ý cho mượn.

Đến năm 2014, ông phát hiện ông Hùng tự ý đào ao, sên vét mương trên phần đất của ông nên ông ngăn cản, từ đó phát sinh tranh chấp. Ông Hùng, bà T2 cho rằng phần đất này là của vợ chồng ông Hùng, không phải của vợ chồng ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông Hùng, bà T2 trả lại cho vợ chồng ông phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 2.138m^2 thuộc thửa số 04, tờ bản đồ địa chính số 14, thành lập năm 2001, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C .. Đối với công trình kiến trúc, cây trồng trên đất của ông Hùng, bà T2, anh B2, chị N, anh H2, chị L có trách nhiệm tháo dỡ, di dời và khai thác. Ông đồng ý trả cho ông Hùng, bà T2 giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 8.240.000 đồng.

Bà Lê Kim B1 trình bày: Bà B1 thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu T1, bà không có ý kiến khác.

Ông Nguyễn Thanh Hùng trình bày: Vào năm 1980, khi lập gia đình ông được cha là ông Nguyễn Văn Di cho vợ chồng phần đất vườn diện tích khoảng 5.700 m^2, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ., trong đó có phần đất đang tranh chấp. Ông quản lý, sử dụng đất từ khi được cho đến nay. Đến khoảng năm 1993, vợ chồng ông đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần với diện

tích 2.870 m^2, đối với phần đất còn lại hiện đang tranh chấp có diện tích 2.830 m^2, ông chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, cha mẹ ông còn có một phần đất vườn tọa lạc tại khóm 7, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Sau khi cha mẹ chết, anh em ông có họp lại chia phần đất này làm 03 phần cho Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Thị Út và Nguyễn Lệ Tiên.

Vào khoảng năm 2001 - 2003, chị ruột ông là bà Nguyễn Ngọc V đến cất nhà ở tại phần đất hiện đang tranh chấp, do là chị em nên ông không có ngăn cản. Bà V ở được một thời gian thì dọn đi nơi khác. Đến năm 2014, ông T1 yêu cầu ông trả lại đất thì ông mới biết việc vợ chồng ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông T1, bà B1. Ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T1, bà B1 đối với phần đất có diện tích 2.830 m^2, thuộc thửa số 554B, 555B, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà T2 thống nhất với trình bày của ông Hùng. Bà xác định phần đất đang tranh chấp với ông T1, bà B1 là đất vợ chồng bà được tặng cho. Bà và ông Hùng đã quản lý, sử dụng đất nhiều năm. Hiện nay, ngoài vợ chồng bà còn có các con là Nguyễn Thanh B2, sinh năm 1984, Phạm Thị N, sinh năm 1987; Nguyễn Thanh H2,Trần Thị L sử dụng đất nên không đồng ý yêu cầu trả đất của ông T1, bà B1.

Bà Nguyễn Ngọc V trình bày: Bà là chị ruột của ông Hùng và ông T1. Cha mẹ bà có một phần đất vườn có diện tích 5.700m^2 tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C .. Vào năm 1980, cha mẹ chia phần đất này cho bà và ông Hùng. Bà được chia 2.830 m^2, ông Hùng được chia 2.870 m^2. Cha bà đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Ngoài ra, cha mẹ bà có chia phần đất vườn tọa lạc tại khóm 7, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, bà không xác định rõ diện tích, cho 03 người con là Nguyễn Thị Út, Nguyễn Lệ Tiên, Nguyễn Hữu T1.

Sau khi được chia đất, bà và ông Hùng trực tiếp ở trên phần đất được chia. Sau một thời gian bà chuyển về Bạc Liêu sinh sống nên để căn nhà cho chị ruột là bà Nguyễn Lệ Tiên ở. Bà Tiên ở được một thời gian thì chuyển đi nơi khác.

Đến khoảng năm 2001, bà và ông T1 thỏa thuận đổi đất với nhau. Bà giao cho ông T1 phần đất diện tích 2.830 m^2 tọa lạc tại khóm 2, thị trấn Thới Bình. Ông T1 giao cho bà phần đất tọa lạc tại khóm 7, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình. Sau khi đổi đất, bà đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển tên trên giấy chứng nhận sang tên ông T1. Ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vợ chồng ông T1 đi làm ăn ở nơi khác nên cho ông Hùng, bà T2 mượn đất để trồng trọt tăng thu nhập. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà B1.

Anh Nguyễn Thanh B2 trình bày: Anh là con của ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 và là cháu của ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Ngọc V. Phần đất tranh chấp là của ông cha mẹ anh, anh đã được cho sử dụng đất nên đã xây dựng nhà, canh tác trên đất vì vậy anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà B1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Kim B1 đối với ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 về việc trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 2.138 m^2 thuộc thửa số 04, tờ bản đồ địa chính số 14, thành lập năm 2001, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Buộc ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Thanh B2, chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Thanh H2, chị Trần Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40, khai thác cây trồng và vật nuôi (nếu có) để giao trả lại cho ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Kim B1 phần đất có diện tích theo đo đạc thức tế 2.138 m^2 thuộc thửa số 04, tờ bản đồ địa chính số 14, thành lập năm 2001, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C .. Có vị trí tứ cận kèm theo.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Kim B1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Hùng, bà T2 giá trị cây trồng trên đất 8.240.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/10/2022, ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng huỷ bản án sơ thẩm. Trường hợp không huỷ án sơ thẩm thì yêu cầu giám định chữ ký của ông Hùng trong hồ sơ cấp đất của ông T1. Nếu xác định không phải chữ ký của ông thì yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông T1. Do ông Hùng, bà T2 đã quản lý canh tác đất liên tục từ năm 1980 đến nay nên cần giao cho ông, bà được tiếp tục quản lý, sở hữu đất. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận:

Vào thời điểm làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Hùng không đăng ký kê khai diện tích đất tranh chấp vì ông Hùng xác định đây là đất của thân tộc, không phải của cha ông Hùng. Ông Hùng đã canh tác trên đất từ năm 1980 đến nay, trong khi bà V, bà Tiên, ông T1 mỗi người chỉ ở một thời gian ngắn. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 thể hiện ông Hùng có ký tên tên tứ cận, tuy nhiên, ông Hùng xác định ông không có ký xác định tứ cận cho ông T1 nên ông Hùng có yêu cầu giám định chữ ký. Ông Hùng là người góp tiền làm lộ và sống trên đất thời gian dài nên cần giao đất cho ông Hùng quản lý, sử dụng. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp còn có nhiều ngôi mộ của thân tộc, vợ chồng

ông Hùng là người trông coi, giữ gìn nhưng trong bản trích đo hiện trang đất không thể hiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để giám định chữ ký của ông Hùng trong hồ sơ cấp đất của ông T1 và yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định trên phần đất tranh chấp có các ngôi mộ của thân tộc ông Hùng hay không để giải quyết vụ án được toàn diện. Trường hợp Tòa án không hoãn phiên tòa thì đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi vì, tại phiên sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chấm dứt việc ủy quyền nhưng cấp sơ thẩm không hoãn phiên tòa để triệu tập ông Hùng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hùng.

Ông Nguyễn Thanh Hùng thống nhất với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không bổ sung.

Bà Nguyễn Thị T2 không có ý kiến tranh luận.

Ông Nguyễn Hữu T1 tranh luận: Sau khi đổi đất với bà V, vợ chồng ông có quản lý, canh tác đất được một thời gian nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đi nơi khác sinh sống. Khi đi có nhờ ông Hùng trông coi đất, sau đó thì cho ông Hùng mượn canh tác.Vợ chồng ông Hùng không có thờ cúng ai trong thân tộc.

Bà Lê Kim B1, bà Nguyễn Ngọc V, anh Nguyễn Thanh B2, ông Dương Phước H1, anh Nguyễn Hoàng K1 không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau về chi phí tố tụng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp N1M3M4M1 có diện tích theo đo đạt thực tế diện tích 2.138 m^2, thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C . do Ủy ban nhân dân huyện Thới B3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T1.

[2] Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp: Các đương sự thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Di là cha của ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Ngọc V. Ông Nguyễn Thanh Hùng trình bày năm 1980, ông Hùng được cha là ông Nguyễn Văn Di cho phần đất diện tích 5.700 m^2, trong đó có phần đất tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Hùng cho rằng ông Hùng được cho đất năm 1980 bao gồm cả diện tích đất tranh chấp nhưng năm 1993, khi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Hùng chỉ làm

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ½ diện tích đất liền kề. Cùng thời điểm này, ngày 15 tháng 10 năm 1993, bà Nguyễn Ngọc V đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.830 m^2 (hiện đang tranh chấp). Bà Nguyễn Thị Út là em của ông T1, ông Hùng, bà V xác định: Cha bà là ông Nguyễn Văn Di có cho ông Nguyễn Văn Hùng và bà Nguyễn Ngọc V mỗi người diện tích đất 2.830m^2, tọa tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C .. Trình bày này phù hợp với sự việc vào năm 1993, ông Nguyễn Thanh Hùng và bà Nguyễn Ngọc V đều đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.830 m^2. Bà V có sống trên đất như chính ông Hùng thừa nhận. Như vậy, xác định phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Di cho lại bà Nguyễn Ngọc V là có căn cứ.

[3] Vào năm 2001, bà Nguyễn Ngọc V đã làm đơn xin chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T1 phần đất bà V được cho thuộc thửa số 555b, 554b, tờ bản đồ số 2 diện tích 2.830m^2 và ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Kim B1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Thới B3, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất ngày 24 tháng 9 năm 2001 với cùng diện tích 2.830m^2. Ông Hùng cho rằng, ông Hùng không có ký tên tứ cận vào bản xác minh đề nghị ngày 3 tháng 9 năm 2001 và yêu cầu giám định chữ ký của ông Hùng tại Bản xác minh trên. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà V chuyển quyền sử dụng phần đất của bà V cho ông T1, bà B1 là thực tế có xãy ra và ông Toàn, bà B1 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp. Ông Hùng ký tên vào Bản xác minh đề nghị chỉ là ký xác minh tứ cận nên nếu ông Hùng không có ký tên vào bản xác minh trên thì ông Hùng không xác nhận ranh với ông T1 và thực tế trong vụ án này ông Hùng có tranh chấp ranh đất với ông T1. Do đó, yêu cầu giám định chữ ký của ông Hùng là không cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

[4] Xét quá trình sử dụng đất, ông Hùng cho rằng ông sử dụng phần đất tranh chấp từ khi được cho đến nay. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình (BL135), ông Hùng trình bày, khoảng năm 2001-2003, chị ruột của ông là bà Nguyễn Ngọc V có đến cất nhà ở trên phần đất tranh chấp. Lúc bà V cất nhà ở trên phần đất tranh chấp thì ông không có ngăn cản. Đến ngày 07 tháng 11 năm 2014, ông Nguyễn Hữu T1 có yêu cầu chính quyền khóm 2, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình giải quyết việc tranh chấp đất với ông Nguyễn Thanh Hùng (BL38). Tại Biên bản hòa giải không thành ngày 30 tháng 11 năm 2014, chính quyền khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C . (BL42) giải quyết việc yêu cầu của ông T1 về việc ông Hùng sên đất bỏ lên bờ. Như vậy, thực tế, bà V có cất nhà ở trên phần đất tranh chấp và ông T1 có thực hiện quyền của người có quyền sử dụng đất. Ông Hùng cho rằng, ông Hùng sử dụng ổn định liên tục không tranh chấp là không có cơ sở. Do đó, ông T1, bà B1 có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp. Ông Hùng ở trên đất của ông T1 nhưng ông Hùng không có chứng cứ chứng minh việc sử dụng đất của ông Hùng là hợp pháp, có căn cứ pháp luật nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, án sơ thẩm không tuyên đương sự phải chịu

chi phí tố tụng là thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần này. Về chi phí đo đạt, xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá số tiền 10.596.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn đã nộp xong số tiền trên.

[5] Phần cây trồng trên đất đã được định giá số tiền 8.240.000 đồng. Ông T1, bà B1 đồng ý trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Hùng, bà T2 và cũng đồng ý cho Ông Hùng, bà T2 khai thác, di dời toàn bộ cây trồng trên đất kể cả cây trồng ông T1, bà B1 đã trả số tiền 8.240.000 đồng cho ông Hùng, bà T2. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa lý do cần giám định chữ ký của ông Hùng và xác định có mồ mả thân tộc trên phần đất tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Hùng có ký tên trong Biên bản xác minh hay không chỉ là ký tên để xác định cạnh tiếp giáp với ông Hùng như nhận định tại đoạn [3]. Còn yêu cầu xác minh có mồ mả thân tộc trên phần đất tranh chấp hay không là không cần thiết. Vì ông T1 cũng là người trong thân tộc nên ông T1 cũng phải có trách nhiệm quản lý, giữ gìn mồ mả của thân tộc. Ngoài ra, ông Hùng còn cho rằng, tại phiên tòa sơ thẩm, anh B2 từ chối đại diện theo ủy quyền của ông Hùng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hoãn phiên tòa để cho ông Hùng trực tiếp tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy, anh B2 đại diện theo ủy quyền của ông Hùng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tại phiên tòa sơ thẩm lần hai, anh B2 tự động chấm dứt đại diện theo ủy quyền của ông Hùng mà không báo trước với ông Hùng là lỗi của anh B2.Tòa án triệu tập bị đơn hợp lệ lần 2 là đã thực hiện đúng quy định . Hơn nữa, anh B2 cũng đã tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến và xác định phần đất tranh chấp là của ông Hùng, bà T2 là đã thể hiện ý chí và nguyện vọng của ông Hùng, bà T2 nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sau khi kháng cáo, tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Thanh Hùng có đơn yêu cầu miễn toàn bộ án phí. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Hùng đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[8] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2. Sửa bản án sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau về phần chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 đã trên 60 tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên được chấp nhận. Ông Hùng có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, được nhận lại.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc với số tiền 7.312.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá số tiền 3.384.000 đồng. Tổng số tiền chi phí tố tụng là 10.696.000 đồng. Ông T1, bà B1 nhận nộp và đã nộp xong.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê kim Biên đối với ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 về việc trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 2.138 m^2, thuộc thửa số 04, tờ bản đồ địa chính số 14, thành lập năm 2001, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Buộc ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Thanh B2, chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Thanh H2, chị Trần Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40, khai thác cây trồng và vật nuôi (nếu có) để giao trả lại cho ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Kim B1 phần đất có diện tích theo đo đạc thức tế 2.138 m^2, thuộc thửa số 04, tờ bản đồ địa chính số 14, thành lập năm 2001, tọa lạc tại khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh C .. Có tứ cận như sau:

- Phía tây cạnh M1-N1 giáp Sông Trẹm dài 17.84 m;
- Phía đông cạnh M3-M4 giáp phần đất ông Nguyễn Văn Phụng dài 18.47m;
- Phía bắc cạnh N1-N2 dài 56.77m và cạnh N2-M3 dài 61.40m, giáp phần đất của ông Nguyễn Thanh Hùng.
- Phía nam cạnh M1-M4 giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Vân dài 121.35m (Có bãng vẽ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Kim B1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Hùng, bà T2 giá trị cây trồng trên đất 8.240.000 đồng *(tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

2. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chổ, đo đạc và thẩm định giá số tiền là 10.696.000 đồng. Ông T1, bà B1 nhận nộp toàn bộ và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 được miễn án phí theo quy định. Ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Kim B1 phải chịu án phí số tiền 412.000 đồng, ông T1 và bà B1 có nộp tạm ứng án phí số tiền 2.122.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo biên lai số 03391 ngày 30 tháng 5 năm 2016, được đối trừ; ông T1, bà B1 được nhận lại số tiền 1.710.500 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Hùng, bà Nguyễn Thị T2 được miễn án phí. Ngày 24/10/2022, ông Hùng có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003082 ngày 24/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyệnThới Bình;*
- *Chi cục THADS huyệnThới Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung